

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

XÃ MỸ TIẾN

Số: 46/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mỹ Tiến, ngày 28 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quyết định dự toán thu, chi và phương án
phân bổ ngân sách xã năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ MỸ TIẾN
KHOÁ XXII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND huyện Mỹ Lộc về việc quyết định dự toán thu chi ngân sách và phương án phân bổ ngân sách nhà nước huyện Mỹ Lộc năm 2024 ;

Căn cứ quyết định số 5167/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND huyện Mỹ Lộc về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét Tờ trình số 595/TTr-UBND ngày 22 /12/2023 của UBND Xã Mỹ Tiến về việc phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách nhà nước Xã Mỹ Tiến năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và ý kiến của các đại biểu HĐND xã

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định dự toán thu, chi ngân sách và phương án phân bổ ngân sách Xã Mỹ Tiến năm 2024 như sau:

1. Tổng thu ngân sách Nhà nước huyện, xã giao là: 11.383.000.000 đồng (Phần ngân sách địa phương được quản lý điều hành là: 7.060.000.000 đồng), bao gồm :

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn là : 2.301.000.000 đồng;

- Thu bổ sung cân đối ngân sách là : 4.759.000.000 đồng.

2. Tổng chi ngân sách huyện, xã giao năm 2024 là : 7.060.000.000 đồng, bao gồm :

- Chi đầu tư phát triển là : 1.800.000.000 đồng

- Chi thường xuyên là : 5.117.000.000 đồng

- Chi dự phòng ngân sách là : 143.000.000 đồng

(Chi tiết theo biểu đính kèm 01,02,03)

Điều 2: Giao ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị Quyết. Trong quá trình

quản lý, điều hành chi ngân sách, ủy ban nhân dân xã thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước. Khi cần điều chỉnh dự toán chi ngân sách của xã theo lĩnh vực, UBND xã trình Thường trực Hội đồng nhân dân xã thống nhất và báo cáo Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Thường trực HĐND, các Ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã khóa XXII, kỳ họp thứ mười một thông qua ngày 28 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND huyện;
- UBND huyện ;
- Phòng TC-KH huyện
- Thường trực đảng ủy xã;
- Như Điều 2, Điều 3
- Tô Đại biểu HĐND xã;
- Ủy ban MTTQ xã;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể của xã;
- Công TTĐT xã;
- Lưu VT.



Lê Văn Khánh

Tỉnh Nam Định
Huyện Mỹ Lộc
Xã Mỹ Tiến

Mẫu biểu số 01

BIỂU CÂN ĐỐI TỔNG HỢP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

(Kèm theo Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 trình tại kỳ họp thứ 11 HĐND xã khóa XXII)

Đơn vị: đồng

Nội dung thu	Dự toán	Nội dung chi	Dự toán
Tổng số thu	7 060 000 000	Tổng số chi	7 060 000 000
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	184 000 000	I. Chi đầu tư phát triển	1 800 000 000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	2 117 000 000	II. Chi thường xuyên	5 117 000 000
III. Thu bổ sung	4 759 000 000	III. Dự phòng	143 000 000
- Bổ sung cân đối ngân sách	4 759 000 000		
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

(Kèm theo Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 trình tại kỳ họp thứ 11 HĐND xã khóa XXII)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023 huyện giao		Dự toán năm 2024 huyện giao		Dự toán năm 2023 xã giao		Dự toán năm 2024 xã giao		SO SÁNH (%)		
		NSNN	NSX	NSNN	NSX	NSNN	NSX	NSNN	NSX	DT huyện 2024/2023	DT xã giao 2024/2023	DT xã/DT huyện
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Tổng số thu ngân sách xã	8 300 000 000	5 387 500 000	11 383 000 000	7 060 000 000	20 100 000 000	8 927 500 000	11 383 000 000	7 060 000 000	137,1	56,6	100,0
I	Các khoản thu 100%	318 000 000	318 000 000	184 000 000	184 000 000	318 000 000	318 000 000	184 000 000	184 000 000	57,9	57,9	100,0
1	Phí, lệ phí	23 000 000	23 000 000	14 000 000	14 000 000	23 000 000	23 000 000	14 000 000	14 000 000	60,9	60,9	100,0
-	Phí, lệ phí khác	20 000 000	20 000 000	11 000 000	11 000 000	20 000 000	20 000 000	11 000 000	11 000 000	55,0	55,0	100,0
-	Phí môn bài	3 000 000	3 000 000	3 000 000	3 000 000	3 000 000	3 000 000	3 000 000	3 000 000	100,0	100,0	100,0
2	Thu từ quỹ đất công ích và đất công	270 000 000	270 000 000	160 000 000	160 000 000	270 000 000	270 000 000	160 000 000	160 000 000	59,3	59,3	100,0
3	Thu khác	25 000 000	25 000 000	10 000 000	10 000 000	25 000 000	25 000 000	10 000 000	10 000 000	40,0	40,0	100,0
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	4 405 000 000	1 492 500 000	6 440 000 000	2 117 000 000	16 205 000 000	5 032 500 000	6 440 000 000	2 117 000 000	146,2	39,7	100,0
1	Thuế thu nhập cá nhân	265 000 000	185 500 000	245 000 000	171 500 000	265 000 000	185 500 000	245 000 000	171 500 000	92,5	92,5	100,0
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	30 000 000	21 000 000	45 000 000	31 500 000	30 000 000	21 000 000	45 000 000	31 500 000	150,0	150,0	100,0
3	Lệ phí trước bạ nhà, đất	80 000 000	56 000 000	120 000 000	84 000 000	80 000 000	56 000 000	120 000 000	84 000 000	150,0	150,0	100,0
4	Thu tiền sử dụng đất	4 000 000 000	1 200 000 000	6 000 000 000	1 800 000 000	15 800 000 000	4 740 000 000	6 000 000 000	1 800 000 000	150,0	38,0	100,0
6	Thuế GTGT, TNDN	30 000 000	30 000 000	30 000 000	30 000 000	30 000 000	30 000 000	30 000 000	30 000 000	100,0	100,0	100,0
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	3 577 000 000	3 577 000 000	4 759 000 000	4 759 000 000	3 577 000 000	3 577 000 000	4 759 000 000	4 759 000 000	133	133	100
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	3 577 000 000	3 577 000 000	4 759 000 000	4 759 000 000	3 577 000 000	3 577 000 000	4 759 000 000	4 759 000 000	133,0	133,0	100,0

Tỉnh Nam Định
Huyện Mỹ Lộc
Xã Mỹ Tiến

Mẫu biểu số 03

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

(Kèm theo Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 trình tại kỳ họp thứ 11 HĐND xã khóa XXII)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023 huyện giao	Dự toán năm 2023 xã giao	Dự toán năm 2024 huyện giao	Dự toán năm 2024 xã giao	SO SÁNH (%)		
						DT huyện 2 024/2023	DT xã 2 024/2023	DT xã/DT huyện
	Tổng chi ngân sách xã	5 387 500 000	12 997 500 000	7 060 000 000	7 060 000 000	131,0	54,3	100,0
I	Chi đầu tư phát triển	1 200 000 000	8 810 000 000	1 800 000 000	1 800 000 000	150,0	20,4	100,0
1	Chi đầu tư XDCB và sự nghiệp có tính chất đầu tư	1 200 000 000	8 810 000 000	1 800 000 000	1 800 000 000	150,0	20,4	100,0
II	Chi thường xuyên	4 079 300 000	4 079 300 000	5 117 000 000	5 117 000 000	125,4	125,4	100,0
1	Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự	515 800 000	450 944 000	529 400 000	514 848 000	102,6	114,2	97,3
	Chi Quốc phòng	132 700 000	132 700 000	144 500 000	144 500 000	108,9	108,9	100,0
	Chi An ninh	383 100 000	318 244 000	384 900 000	370 348 000	100,5	116,4	96,2
2	Chi sự nghiệp giáo dục	67 000 000	67 000 000	69 000 000	69 000 000	103,0	103,0	100,0
3	Chi sự nghiệp đào tạo	20 600 000	20 600 000	21 200 000	21 200 000	102,9	102,9	100,0
4	Chi sự nghiệp y tế	31 900 000	27 540 000	32 800 000	32 516 000	102,8	118,1	99,1

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023 huyện giao	Dự toán năm 2023 xã giao	Dự toán năm 2024 huyện giao	Dự toán năm 2024 xã giao	SO SÁNH (%)		
						DT huyện 2 024/2023	DT xã 2 024/2023	DT xã/DT huyện
5	Sự nghiệp văn hoá, thông tin	61 100 000	56 100 000	67 100 000	75 000 000	109,8	133,7	111,8
6	Sự nghiệp đài truyền thanh	32 800 000	52 800 000	33 200 000	44 516 000	101,2	84,3	134,1
7	Sự nghiệp thể dục thể thao	11 300 000	8 300 000	11 600 000	11 600 000	102,7	139,8	100,0
8	Chi sự nghiệp môi trường	72 100 000	72 100 000	74 300 000	74 300 000	103,1	103,1	100,0
9	Sự nghiệp kinh tế	220 400 000	153 912 000	226 200 000	184 840 000	102,6	120,1	81,7
	SN giao thông	72 100 000	30 000 000	73 600 000	50 000 000		166,7	67,9
	SN nông - lâm - thủy lợi - hải sản	137 000 000	53 912 000	141 000 000	64 840 000		120,3	46,0
	Các sự nghiệp khác	11 300 000	70 000 000	11 600 000	70 000 000		100,0	603,4
10	Sự nghiệp xã hội	206 800 000	206 800 000	242 500 000	242 500 000	117,3	117,3	100,0
11	Chi quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể	2 828 200 000	2 948 904 000	3 798 100 000	3 833 680 000	134,3	130,0	100,9
11,1	Quản lý nhà nước (UBND +HDND xã)		1 784 018 610		2 228 672 000		124,9	
11,2	Đoàn Thanh niên CSHCM		112 788 000		155 034 000		137,5	
11,3	Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam		128 446 390		160 849 000		125,2	
11,4	Hội Nông dân Việt Nam		107 588 000		150 390 000		139,8	
11,5	Hội CCB Việt Nam		82 584 000		130 201 000		157,7	

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023 huyện giao	Dự toán năm 2023 xã giao	Dự toán năm 2024 huyện giao	Dự toán năm 2024 xã giao	SO SÁNH (%)		
						DT huyện 2 024/2023	DT xã 2 024/2023	DT xã/DT huyện
11,6	Mặt trận tổ quốc Việt Nam		199 712 000		308 748 000		154,6	
11,7	Các tổ chức xã hội khác		47 952 000		68 732 000		143,3	
11,8	Đảng cộng sản Việt Nam		485 815 000		631 054 000		129,9	
12	Chi khác	11 300 000	14 300 000	11 600 000	13 000 000	102,7	90,9	112,1
III	Dự phòng	108 200 000	108 200 000	143 000 000	143 000 000	132,2	132,2	100,0